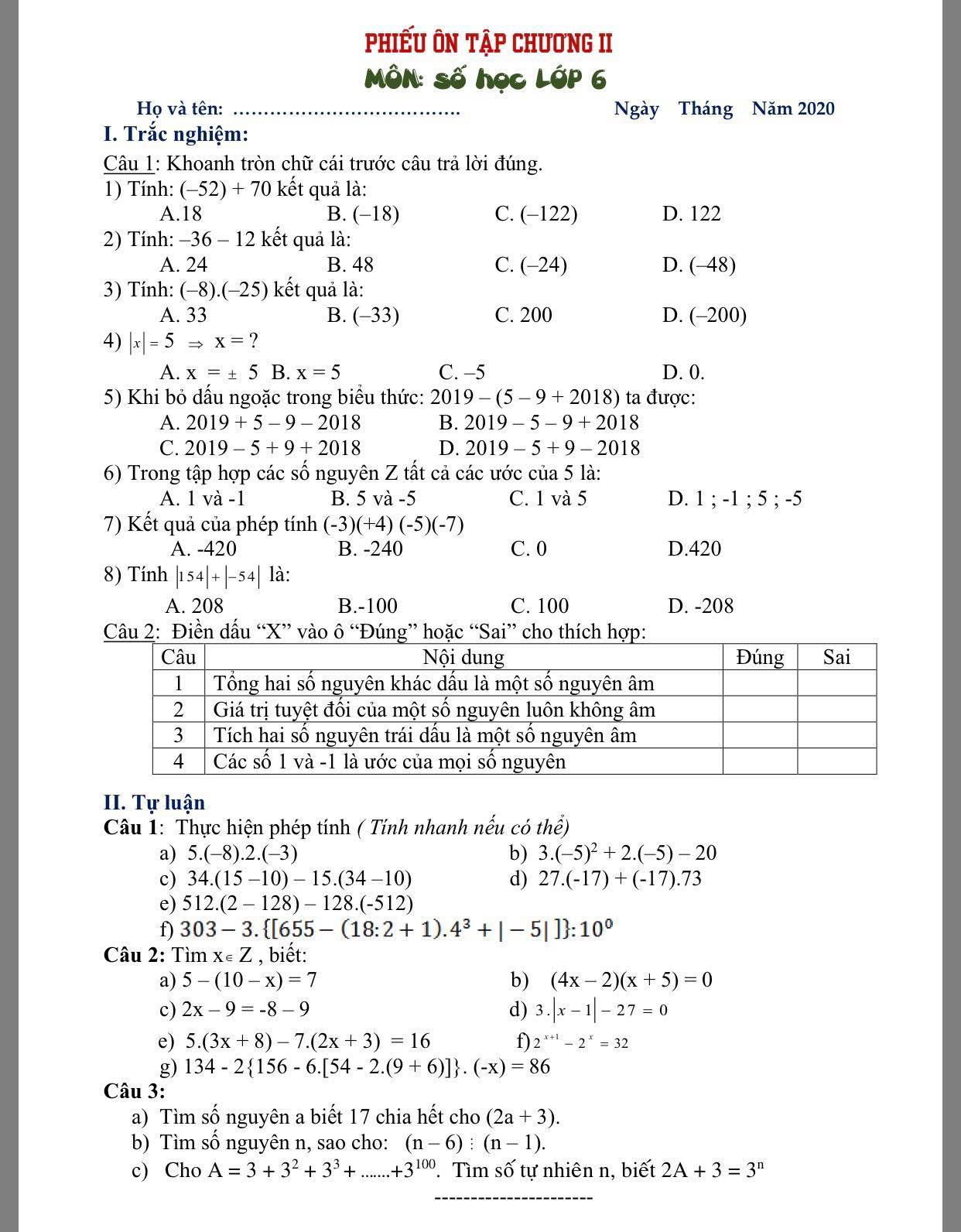
**MÔN TOÁN**

****

**MÔN NGỮ VĂN**

**Phiếu bài tập Ngữ Văn 6 ( tuần từ 9/3 đến 15/5/ 2020)**

**Bài tập 1: Cho đoạn văn sau và trả lời câu hỏi**

“ Chẳng hạn như gọi rạch Mái Giầm, vì hai bên bờ rạch mọc toàn những cây mái giầm cọng tròn xốp nhẹ, trên chỉ xòa ra độc một cái lá xanh hình chiếc bơi chèo nhỏ; gọi là kênh Bọ Mắt vì ở đó tập trung không biết cơ man bao nhiêu là bọ mắt, đen như hạt vừng, chúng cứ bay theo thuyền từng bầy như những đám mây nhỏ, ta bị nó đốt vào da thịt chỗ nào là chỗ đó ngứa ngáy nổi mẩn đỏ tấy lên; gọi kênh Ba Khía vì ở đó hai bên bờ tập trung toàn những con ba khía, chúng bám đặc sệt quanh các gốc cây ( Ba Khía là một loại còng biển lai cua, càng sắc tím đỏ, làm mắm xé ra trộn tỏi ớt ăn rất ngon).”

a. Đoạn văn trên được trích từ văn bản nào? Tác giả là ai?

b. Cách đặt tên các địa danh nơi đây có điều gì đặc biệt? Những địa danh này gợi ra đặc điểm gì của thiên nhiên nơi đây?

c. Xác định phép so sánh trong đoạn văn trên và điền vào mô hình cấu tạo phép so sánh?

**Bài tập 2: Xác định nghĩa của các từ in đậm dưới đây và cho biết đâu là nghĩa gốc, nghĩa chuyển?**

a.

- Vườn cam **chín** đỏ.

- Ngượng **chín** cả mặt.

- Cơm sắp **chín**, có thể dọn cơm được rồi.

- Gò má **chín** như quả bồ quân.

b.

- Trùng trục như con chó thui

Chín mắt chín **mũi** chín đuôi chín đầu.

- Mũi thuyền ta đó **mũi** Cà Mau.

- Quân ta chia làm ba **mũi** tấn công.

- Tôi đã tiêm phòng ba **mũi.**

**c.**

- Đôi **mắt** em nhìn hay chớp lửa đêm dông

- Cây mía này **mắt** thưa lắm.

- **Mắt** na hé mở nhìn trời trong veo.

d.

- **Chạy** thi 100 m

- Đồng hồ **chạy** nhanh 10 phút.

- **Chạy** ăn từng bữa.

**Bài tập 3: Tìm 3 ví dụ cho mỗi trường hợp chuyển nghĩa theo mẫu sau:**

a. Chỉ sự vật chuyển thành hành động

VD: cái **cưa** -> **cưa** gỗ.

b. Chỉ hành động chuyển thành đơn vị

VD: **gánh** củi đi -> một **gánh** củi.

**MÔN TIẾNG ANH**

**NỘI DUNG ÔN TẬP MÔN TIẾNG ANH LỚP 6**

**( Từ ngày 9/3 – 15/3/2020)**

**Năm học: 2019 – 2020**

**Bài 1: Điền vào chỗ trống các động từ phù hợp ở thì quá khứ đơn**

|  |
| --- |
| *teach*     *cook     want*     *spend       ring be     sleep*     *study*     *go     write* |

1. She…..out with her boyfriend last night.

2. Laura…..a meal yesterday afternoon.

3. Mozart…..more than 600 pieces of music.

4. I…..tired when I came home.

5. The bed was very comfortable so they…..very well.

6. Jamie passed the exam because he…..very hard.

7. My father…..the teenagers to drive when he was alive.

8. Dave…..to make a fire but there was no wood.

9. The little boy…..hours in his room making his toys.

10. The telephone…..several times and then stopped before I could answer it.

**Bài 2: Chia động từ trong ngoặc ở thì quá khứ đơn:**

Snow White was the daughter of a beautiful queen, who died when the girl (be) (1)……….. young. Her father (get married) (2) ………….again, but the girl’s stepmother was very jealous of her because she was so beautiful. The evil queen (order) (3)………….a hunter to kill Snow White but he couldn’t do it because she was so lovely. He (chase) (4) ………….her away instead, and she (take) (5) ………….refuge with seven dwarfs in their house in the forest. She (live) (6) ………….with the dwarfs and took care of them and they (love) (7) ………….her dearly. Then, one day the talking mirror (tell) (8) ………….the evil queen that Snow White was still alive. She (change) (9) ………….herself into a witch and (make) (10) ………….a poisoned apple. She (go) (11) ………….to the dwarfs’ house disguised as an old woman and tempted Snow White to eat the poisoned apple, which (put) (12)………….her into an everlasting sleep. Finally, a prince (find) (13) ………….her in the glass coffin where the dwarfs had put her and woke her up with a kiss. Snow White and the prince (be) (14) ………….married and lived happily ever after.

**Bài 3: Chuyển những động từ bất quy tắc sau sang dạng quá khứ**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Be  2. Become  3. Begin  4. Break  5. Bring  6. Build  7. Buy  8. Choose  9. Come  10. Cost  11. Cut  12. Do  13. Dream  14. Drink  15. Eat  16. Feel  17. Find  18. Forget  19. Get  20. Give  21. Go  22. Have  23. Hear  24. Hold  25. Keep  26. Know  27. Learn | 1. Let  2. Make  3. Mean  4. Meet  5. Pay  6. Put  7. Read  8. Rise  9. Run  10. Say  11. See  12. Send  13. Set  14. Shake  15. Shut  16. Sing  17. Sit  18. Sleep  19. Stand  20. Swim  21. Take  22. Teach  23. Tell  24. Think  25. Wear  26. Win  27. Write |

**Bài 4: Điền vào chỗ trống những từ để hỏi phù hợp**

* 1. \_\_\_\_\_\_\_\_is the new weatherman's name?
  2. \_\_\_\_\_\_\_\_of these channels do you like most?
  3. \_\_\_\_\_\_\_\_did you leave before the programme ended?
  4. \_\_\_\_\_\_\_\_does the game show begin? - At 8 p.m. I think.
  5. \_\_\_\_\_\_\_\_does your father watch TV? - Twice a day.

6.\_\_\_\_\_\_\_\_is your favourite MC?

7. \_\_\_\_\_\_\_\_does the animal programme last? - About 90 minutes, I think.

8. \_\_\_\_\_\_\_\_should we place the new TV? - In the kitchen.

9. \_\_\_\_\_\_\_\_ programmes does the local television have?

10.\_\_\_\_\_\_\_\_does cable TV cost per month?

**Bài 5: Đặt câu hỏi cho phần gạch chân**

* 1. My brother watches two hours a day.

………………………………………………………………..

* 1. I like Tu Long best in the Weekend Meeting shows.

………………………………………………………………..

1. The news programme often finishes at eight o’clock.

………………………………………………………………..

1. We watched the late football match on TV last night.

………………………………………………………………..

5. The new television is ten thousand million dong.

………………………………………………………………..

* 1. Tom put the remote control on the bookshelf.

………………………………………………………………..

* 1. They go to the English club twice a week.

………………………………………………………………..

* 1. She missed a week's lessons because of illness,

………………………………………………………………..

* 1. That newsreader usually gets to work by bus.

………………………………………………………………..

* 1. The game show lasted for two hours and a half.

………………………………………………………………..

**Bài 6: Điền các liên từ phù hợp vào chỗ trống**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| although | because | and | but | so |

1. I am very excited I am meeting my favourite MC.
2. You can watch TV now\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_do not spend too much time on it.
3. Xuan Bac was tired, he went to bed.
4. They were late\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_they did not miss the beginning of the show.
5. Phong wants to watch both the garne show  the movie.
6. I arrived early. There was already a long queue at the TV station.
7. The MC was late there was a traffic jam.
8. Mary insists on joining the singing competition she cannot sing well.
9. David can play the guitarthe harmonica at the same time.
10. It was a sunny day,\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_we decided to go sightseeing.

**Bài 7: Chọn đáp án đúng A, B, C hoặc D**

1. \_\_\_\_\_\_\_\_ are you going to invite to your party next week?
2. What B. Who C. Whose D. Where
3. \_\_\_\_\_\_\_\_does the movie start? – At 9 o’clock.
4. Where B. What C. Which D. When
5. \_\_\_\_\_\_\_\_ are you still watching television?
6. Why B. What C. Where D. Who
7. \_\_\_\_\_\_\_\_did you spend in Hanoi? – One week.
8. How many B. How much C. How long D. How often
9. \_\_\_\_\_\_\_\_pen is this? Can I borrow it?
10. Whose B. Whom C. Who D. Which
11. Viet has prepared some sandwiches \_\_\_\_\_\_\_\_drinks for the picnic.
12. but B. so C. because D. and
13. It was late \_\_\_\_\_\_\_they continued doing their work.
14. so B. but C. although D. because
15. My mother cooked noodles for me \_\_\_\_\_\_\_\_I was hungry.
16. although B. and C. because D. but
17. It started to rain, \_\_\_\_\_\_\_we went inside and watched TV.
18. and B. although C. because D. so
19. \_\_\_\_\_\_\_\_ I don’t like vegetables, I eat them every day.
20. But B. Although C. So D. Because

**Bài 8: Đọc đoạn văn sau và chọn đáp án đúng điền vào chỗ trống**

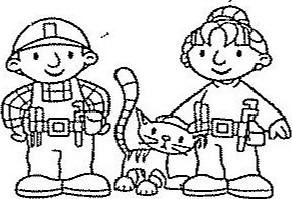
**TELEVISION**

Television is one of man's most important means of communication. It brings pictures and (1) \_\_\_\_\_\_from around the world into millions (2) \_\_\_\_\_\_ homes. A person with a television set can sit in his house and watch the President make a (3)  or visit a foreign country. He can see a war being fought and watch statesmen try to bring about peace.

Through television, home viewers can see and learn about people, places and things in (4) \_\_\_\_\_ lands. Television even takes its viewers out of this world, It brings them coverage of America's astronauts (5) \_\_\_\_\_\_ the astronauts explore outer spaces.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 1. A. tone | B. noise | C. voice | D. sounds |
| 2. A. of | B. for | C. in | D. about |
| 3. A. writing | B. speech | C. letter | D. speak |
| 4. A. away | B. far away | C. far | D. off far |
| 5. A. although | B. because | C. as | D. and |

**Bài 9: Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi**



Bob the Builder is a British television program for children. It is broadcast on the BBC and around the world. It was first broadcast on 13th January 1999. It is developed by Hit Entertainment for BBC Television.

The show is about the life of a builder named Bob, and his talking vehicles who help him fix things, Bob has a wife named Wendy and a cat named Pilchard, The slogan of the show is "Can we fix it? Yes, we can!"

There are albums of songs from Bob the Builder, Out of these songs, there are 2 number 1 hits, "Can We Fix It" and "Mambo". There is also number 81 hit "Big Fish Little Fish". He also has some video games which are based on and created by Bob the builder.

1. Where is Bob the Builder broadcast?
2. When was it first broadcast?
3. Who helps Bob fix things?

4. What is the name of Bob's cat?

5. What is the slogan of the show?

**Bài 10: Khoanh tròn vào đáp án có chứa lỗi sai và sửa lỗi sai đó**

1. Although the football game was over, but the fans stayed in their seats cheering.

A B C D

* 1. What do you compare the time you spend watching TV to the time you spend on other activities?

A B C D

* 1. Hoang didn't win the race because of he ran too slowly.

A B C D

4. Where performance in the concert was the most interesting?

A B C D

5. Tom wants to go overseas and he does not have enough-money.

A B C D

**Bài 11: Nối hai câu lại với nhau sử dụng liên từ trong ngoặc**

1. My father always reads the newspaper in the morning. He always watches the TV news in the morning. (and)
2. Mr. Minh heated some water. He wanted a cup of tea. (so)
3. I called their house. No one answered the phone. (but)
4. The class was so noisy. The teacher couldn't hear the question. (because)
5. I like cartoons. I don't watch them much. (although)

**Bài 12: Bảng động từ bất quy tắc (Viết 20 động từ đầu tiên, mỗi từ 3 dòng – viết cả nghĩa tiếng Việt của động từ đó)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **No.** | **Động từ nguyên mẫu**  **(Base form)** | **Quá khứ đơn**  **(Past simple)** | **Quá khứ phân từ**  **(Past participle)** | **Nghĩa của động từ**  **(Meaning)** |
| 1. | Be | Was/were | Been | Thì, là, bị, ở |
| 2. | Beat | Beat | Beaten | Hạ gục, đánh bại |
| 3. | Become | Became | Become | Trở nên ,trở thành |
| 4. | Begin | Began | Begun | Bắt đầu |
| 5. | Bend | Bent | Bent | Uốn cong, cúi xuống |
| 6. | Bite | Bit | Bitten | Cắn, chích, châm |
| 7. | Blow | Blew | Blown | Thổi |
| 8. | Break | Broke | Broken | Làm gãy, làm vỡ, đập vỡ |
| 9. | Bring | Brought | Brought | Mang |
| 10. | Build | Built | Built | Xây dựng |
| 11. | Buy | Bought | Bought | Mua |
| 12. | Can | Could | Been able | Có thể |
| 13. | Catch | Caught | Caught | Bắt lấy, bắt kịp, theo kịp |
| 14. | Choose | Chose | Chosen | Chọn, lựa |
| 15. | Come | Came | Come | đến, tới |
| 16. | Cost | Cost | Cost | Có giá là |
| 17. | Cut | Cut | Cut | Cắt, chặt |
| 18. | Dig | Dug | Dug | đào bới, xới, cuốc (đất) |
| 19. | Do | Did | Done | Làm |
| 20. | Draw | Drew | Drawn | Vẽ, kéo |
| 21. | Dream | Dreamed/dreamt | Dreamed/dreamt | Mơ |
| 22. | Drink | drank | Drunk | Uống |
| 23. | Drive | Drove | Driven | LáI xe |
| 24. | Eat | Ate | Eaten | ăn |
| 25. | Fall | Fell | Fallen | Rơi, ngã |
| 26. | Feed | Fed | Fed | Cho ăn |
| 27. | Feel | Felt | Felt | Cảm they |
| 28. | Fight | Fought | Fought | đấu tranh, chiến đấu, đánh nhau |
| 29. | Find | Found | Found | Tìm thấy |
| 30. | Fit | Fit | Fit | Hợp, vừa |
| 31. | Fly | Flew | Flown | Bay |
| 32. | Forget | Forgot | Forgotten | Quên |
| 33. | Forgive | Forgave | Forgiven | Tha thứ |
| 34. | Freeze | Froze | Frozen | Làm đóng băng, làm đông (lại) |
| 35. | Get | Got | Got | Có được |
| 36. | Give | Gave | Given | đưa cho, biếu,tặng |
| 37. | Go | Went | gone | đi |
| 38. | Grow | Grew | Grown | Tăng trưởng, phát triển |
| 39. | Hang | Hanged/hung | Hanged/hung | Treo |
| 40. | Have | Had | Had | Có |
| 41. | Hear | Heard | Heard | Nghe |
| 42. | Hide | Hid | Hidden | Giấu, trốn, nấp |
| 43. | Hit | Hit | Hit | đánh |
| 44. | Hold | Held | Held | Cầm, nắm, giữ |
| 45. | Hurt | Hurt | Hurt | Làm bị thương, làm đau |
| 46. | Keep | Kept | Kept | Giữ |
| 47. | Kneel | Knelt | Knelt | Quỳ, quỳ xuống |
| 48. | Know | Knew | Known | Biết |
| 49. | Lay | Laid | Laid | đặt, để, sắp đặt, bố trí, bày biện |
| 50. | Lead | Led | Led | Lãnh đạo, hướng dẫn, dẫn dắt |
| 51. | learn | Leaned/learnt | Learned/learnt | Học |
| 52. | Leave | Left | Left | Để lại, bỏ quên, bỏ đI, rời đi |
| 53. | Lend | lent | Lent | Cho vay, cho mượn |
| 54. | Let | Let | Let | Để cho, cho phép |
| 55. | Lie | Lay | Lain | Nằm |
| 56. | Light | Lighted/lit | Lighted/lit | Thắp sáng |
| 57. | Lose | Lost | Lost | Làm mất, mất |
| 58. | Make | Made | Made | Làm, chế tạo, sản xuất |
| 59. | Mean | Meant | Meant | Có nghĩa là |
| 60. | Meet | Met | Met | Gặp |
| 61. | Must | Had to | Had to | Phải |
| 62. | Pay | Paid | Paid | Thanh toán, trả tiền |
| 63. | Put | Put | Put | Đặt, để |
| 64. | Read /ri:d/ | Read /red/ | Read /red/ | Đọc |
| 65. | Ride | Rode | Ridden | Đi, cưỡi |
| 66. | Ring | Rang | Rung | Rung, reo (chuông) |
| 67. | Rise | Rose | Risen | Dậy, đứng dậy, đứng lên |
| 68. | Run | Ran | Run | Chạy |
| 69. | Say | Said | Said | Nói |
| 70. | See | Saw | Seen | Nhìn |
| 71. | Sell | Sold | Sold | Bán |
| 72. | Send | Sent | Sent | Gửi |
| 73. | Set | Set | Set | để, đặt, bố trí |
| 74. | Shake | Shook | Shaken | Bắt tay |
| 75. | Shine | Shone | Shone | Chiếu sáng |
| 76. | Shoot | Shot | Shot | ném, phóng, bắn |
| 77. | Show | Showed | Shown | Cho xem |
| 78. | Shut | Shut | Shut | đóng, khép, đậy |
| 79. | Sing | Sang | Sung | Hát |
| 80. | Sink | Sank | Sunk | Chìm |
| 81. | Sit | Sat | Sat | Ngồi |
| 82. | Sleep | Slept | Slept | Ngủ |
| 83. | Slide | Slid | Slid | Trượt, lướt qua |
| 84. | Speak | Spoke | Spoken | Nói |
| 85. | Spend | Spent | Spent | Tiêu (tiền), sử dụng (thời gian...) |
| 86. | Spoil | Spoiled/spoilt | Spoiled/spoilt | Làm hư hang, làm hại |
| 87. | Spread | Spread | Spread | Trải, căng (cờ, khăn), truyền bá |
| 88. | Stand | Stood | Stood | đứng |
| 89. | Steal | Stole | Stolen | ăn cắp |
| 90. | Stick | Stuck | Stuck | đâm, thọc, dán, dính |
| 91. | Swim | Swam | Swum | Bơi |
|  | Take | Took | Taken | Cầm, nắm, giữ |
| 92. | Teach | Taught | Taught | Dạy |
| 93. | Tear | Tore | Torn | Xé, làm rách |
| 94. | Tell | Told | Told | Nói, kể |
| 95. | Think | Thought | Thought | Suy nghĩ, nghĩ |
| 96. | Throw | Threw | Thrown | Ném |
| 97. | Understand | Understood | Understood | Hiểu |
| 98. | Wake | Woke | Woken | Thức giấc, tỉnh dậy |
| 99. | Wear | Wore | Worn | Đeo, mặc, đội |
| 100. | Win | Won | Won | Thắng, chiến thắng |
| 101. | write | Wrote | Written | Viết |

**MÔN VẬT LÝ**

**NỘI DUNG ÔN TẬP MÔN VẬT LÝ LỚP 6**

**( Từ ngày 9/3 – 15/3/2020)**

**Năm học: 2019 - 2020**

***Học sinh làm bài tập ra giấy kiểm tra, ghi rõ họ tên và lớp. Khi nào đi học thì nộp lại để cô kiểm tra***

1. Giới hạn đo (GHĐ) của thước là :

A) Khoảng cách tính từ đầu thước đến cuối thước.

B) Độ dài lớn nhất ghi trên thước.

C) Độ dài giữa 2 vạch liên tiếp trên thước.

D) Cả A, B, C đều sai.

2. Trước khi đo độ dài của một vật ta nên ước lượng giá trị cần đo để :

A) Chọn dụng cụ đo thích hợp nhằm tránh sai số trong khi đo

B) Chọn dụng cụ đo có GHĐ lớn hơn vật cần đo để chỉ cần thực hiện một lần đo

C) Chọn dụng cụ đo có GHĐ nhỏ hơn vật cần đo thực hiện nhiều lần đo

D) Có thể chọn nhiều dụng cụ đo khác nhau tùy ý.

3. Nguyên nhân gây ra kết quả sai trong khi đo là :

A) Đặt thước không song song và cách xa vật đo

B) Đặt mắt nhìn lệch.

C) Một đầu của vật không đặt đúng vạch chia của thước.

D) Cả ba nguyên nhân trên.

4. Một học sinh dùng thước đo độ dài có ghi độ chia nhỏ nhất là 1cm để đo độ chiều dài lớp học. Trong các cách ghi kết quả dưới đây, cách ghi nào là đúng ?

A) 5m

B) 500cm

C) 50dm

D) 500,0cm.

5. Trong các cách ghi kết quả đo với bình chia độ có độ chia tới 0,5cm3 sau đây, cách ghi nào là đúng :

A) 6,5cm3

B) 16,2cm3.

C) 16cm3

D) 6,50cm3.

6. Khi sử dụng bình tràn và bình chứa để đo thể tích vật rắn không thấm nước thì người ta xác định thể tích của vật bằng cách :

A) Đo thể tích bình tràn.

B) Đo thể tích bình chứa.

C) Đo thể tích phần nước tràn ra từ bình tràn sang bình chứa.

D) Đo thể tích nước còn lại trong bình.

7. Nguyên nhân nào sau đây gây ra sai số trong khi đo thể tích của chất lỏng ?

A) Bình chia độ nằm nghiêng.

B) Mắt nhìn nghiêng.

C) Mặt thoáng chất lỏng hơi lõm xuống hay cong lên.

D) Cả 3 nguyên nhân A, B, C.

8. Một bình tràn chứa nước tới miệng tràn là 150cm3, bỏ vào bình một vật rắn không thấm nước thì vật ấy nổi một phần và thể tích phần nước tràn từ bình tràn sang bình chứa là 25cm3. Dùng một que thật nhỏ dìm vật chìm hoàn toàn vào trong bình tràn thì thể tích nước ở bình chứa tăng thêm 5cm3.

Thể tích của vật rắn là :

A) V = 25cm3.

B) V = 125cm3.

C) V = 30cm3.

D) V = 20cm3.

9. Để có thể tích của hòn sỏi cỡ 2cm3, bình chia độ nào sau đây là thích hợp nhất ?

A) Bình có GHĐ 250ml và ĐCNN 10ml

B) Bình có GHĐ 150ml và ĐCNN 5ml

C) Bình có GHĐ 100ml và ĐCNN 2ml

D) Bình có GHĐ 100ml và ĐCNN 1ml

10. Đối với cân Rôbecvan, kết luận nào sau đây là sai ?

A) ĐCNN của cân là khối lượng của quả cân nhỏ nhất trong hộp quả cân.

B) GHĐ của cân là khối lượng của quả cân lớn nhất trong hộp quả cân.

C) GHĐ của cân là tổng khối lượng của các quả cân trong hộp quả cân.

D) Cả A, C đều sai.

11. Các từ “ *kéo, đẩy, ép, nâng* ” đã được sử dụng để theo thứ tự điền vào chỗ trống của các câu sau đây theo bốn phương án. Chọn phương án hợp lí nhất.

* Vật nặng treo vào đầu lò xo tác dụng lên lò xo một lực ……………………….
* Đoàn tàu hỏa tác dụng lên đường ray một lực ………………………
* Lực sĩ tác dụng lên cái tạ một lực …………………………
* Chiếc bong bóng bay lên cao được là nhờ lực …………… của không khí.

A) kéo – đẩy – ép – nâng.

B) kéo – ép – đẩy – nâng.

C) kéo – ép – nâng – đẩy.

D) ép – kéo – nâng – đẩy.

12. Hai lực cân bằng là hai lực :

A) Mạnh như nhau

B) Mạnh như nhau, cùng phương, cùng chiều.

C) Mạnh như nhau, cùng phương, ngược chiều.

D) Mạnh như nhau, cùng phương, ngược chiều và cùng đặt vào một vật.

13. Trong những trường hợp sau đây, trường hợp nào có xuất hiện hai lực cân bằng ?

A) Nước chảy xiết, thuyền bơi ngược dòng, thuyền gần như đứng yên một chỗ không nhích lên được.

B) Cái hộp phấn nằm yên trên bàn.

C) Đồng hồ quả lắc treo trên tường.

D) Cả 3 trường hợp A, B, C.

14. Hai lực nào trong các trường hợp sau đây là hai lực cân bằng ?

A) Lực mà sợi dây thun tác dụng vào tay ta và lực mà tay ta tác dụng vào dây thun khi ta kéo căng dây.

B) Hai lực mà ngón tay cái và ngón tay trỏ ép vào hai đầu lò xo bút bi, khi ta ép lò xo bút bi lại.

C) Lực mà chiếc đầu tàu kéo và chiếc đầu tàu đẩy tác dụng vào đoàn tàu.

D) Hai em bé có cân nặng bằng nhau, ngồi ở hai đầu của một cái bập bênh.

15. Kết luận nào sau đây là không đúng ?

A) Lực là nguyên nhân duy trì chuyển động.

B) Lực là nguyên nhân khiến vật thay đổi hướng chuyển động.

C) Một vật bị co dãn, bẹp, gãy, méo mó … là do chịu tác dụng của vật khác.

D) Khi có lực tác dụng thì bao giờ cũng chỉ ra được vật tác dụng lực và vật chịu tác dụng lực.

16. Lực không gây ra tác dụng nào trong các tác dụng sau đây ?

A) Làm cho vật chuyển động nhanh lên.

B) Làm cho vật chuyển động chậm lại.

C) Làm cho vật biến dạng.

D) Làm cho vật chuyển động.

17. Khi chịu tác dụng của lực, một số vật bị biến dạng rất ít mà mắt khó nhận ra được. Chọn trường hợp đúng.

A) Sợi dây cao su chịu lực kéo của vật nặng.

B) Nền đất mềm và ẩm ướt chịu lực ép của một kiện hàng nặng.

C) Nền bê tông chịu lực ép của một kiện hàng nặng.

D) B và C đều đúng

18. Khi muốn thuyền ra xa bờ, người trên thuyền dùng cây sào tre chống vào bờ và đẩy mạnh cây sào. Kết luận nào sau đây là sai ?

A) Người dùng sào đẩy bờ một lực thì ngược lại bờ cũng đẩy sào và người một lực.

B) Chính lực đẩy của bờ lên sào và thông qua sào đã đẩy người và thuyền rời bến.

C) Lực do người đẩy bờ (thông qua cây sào) có tác dụng làm bờ biến dạng.

D) Lực do người đẩy bờ (thông qua cây sào) không gây tác dụng nào cho bờ cả.

19. Sức nặng của một vật chính là …………………………

A) Khối lượng của vật.

B) Trọng lượng của vật.

C) Khối lượng hoặc trọng lượng của vật.

D) Lượng chất chứa trong vật.

20. Một hộp phấn nằm yên trên bàn. Hỏi hộp phấn có chịu tác dụng của lực nào không ?

A) Không chịu tác dụng của lực nào.

B) Chịu tác dụng của trọng lực và lực đỡ của mặt bàn.

C) Chỉ chịu tác dụng của trọng lực.

D) Chỉ chịu tác dụng của lực đỡ của mặt bàn.

21. Trong các chuyển động sau đây, chuyển động nào là không do tác dụng của trọng lực?

A) Hòn đá lăn từ trên triền núi xuống chân núi.

B) Thác nước đổ từ trên cao xuống.

C) Mưa rơi xuống đất.

D) Không có trường hợp nào trong các trường hợp A, B, C

22. Lấy hai tờ giấy tập học sinh, một để phẳng, một vo tròn lại. Thả chúng từ cùng một độ cao, quan sát chuyển động của chúng. Kết luận nào sau đây là đúng ?

A) Tờ giấy bị vo tròn nặng hơn nên rơi nhanh hơn

B) Tờ giấy để phẳng chịu lực cản của không khí lớn hơn nên rơi chậm hơn

C) Tờ giấy để phẳng không rơi theo phương thẳng đứng vì thế lực hút của Trái Đất không nhất thiết phải có phương thẳng đứng.

D) Diện tích bề mặt của vật càng lớn, trọng lượng của vật càng giảm nên vật rơi càng chậm.

23. Trong các kết luận sau, kết luận nào sai ?

Đặc điểm lực đàn hồi của lò xo là :

A) Chỉ xuất hiện khi lò xo bị biến dạng.

B) Có phương : thẳng đứng.

C) Có chiều : ngược với chiều biến dạng của lò xo.

D) Có độ lớn : tỷ lệ thuận với độ biến dạng của lò xo.

24. Lực đàn hồi của lò xo xuất hiện khi nào ?

A) Chỉ xuất hiện khi lò xo bị kéo dãn ra.

B) Chỉ xuất hiện khi lò xo bị nén lại.

C) Xuất hiện cả khi lò xo bị kéo dãn hoặc nén ngắn.

D) Xuất hiện ngay cả khi lò xo không bị kéo dãn hoặc nén ngắn.

25. Một lò xo xoắn dài 25cm khi treo vật nặng có trọng lượng 1N. Treo thêm vật nặng có trọng lượng 2N vào thì độ dài của lò xo là 26cm. Vậy chiều dài tự nhiên 10 của lò xo là bao nhiêu ?

Chọn kết quả đúng :

A) 23cm

B) 23,5cm

C) 24cm

D) 24,5cm

26. Lực nào trong các lực sau đây là lực đàn hồi ?

A) Trọng lượng của con chim.

B) Lực đẩy của gió lên cánh buồm.

C) Lực tác dụng của đầu búa lên đinh

D) Lực do cái giảm xóc đặt vào khung xe máy.

27. Trong số các câu sau, câu nào đúng ?

A) Một hộp bánh có trọng lượng 450g.

B) Một túi đựng bi có khối lượng tịnh 120g.

C) Khối lượng riêng của cồn 90olà 7900 N/m3.

D) Trọng lượng riêng của gạo vào khoảng 1200 kg/m3.

28. Lúc quả bóng bàn rơi xuống chạm mặt bàn rồi nảy lên thì có thể xảy ra những hiện tượng gì đối với quả bóng ?

A) chỉ có sự biến đổi chuyển động của quả bóng.

B) Chỉ có sự biến dạng chút ít của quả bóng.

C) Quả bóng bị biến dạng chút ít, đồng thời chuyển động của nó bị biến đổi.

D) Không có hiện tượng nào xảy ra cả.

29. Những cặp lực nào dưới đây là hai lực cân bằng ?

A) Lực mà tay người bắt đầu kéo một gầu nước lên và trọng lượng của gầu nước.

B) Cân một túi đường bằng cân Rôbecvan. Cân thăng bằng. Trọng lượng của túi đường và của các quả cân ở đĩa cân bên kia là hai lực hai cân bằng.

C) Lực mà một người tập thể dục kéo một dây lò xo và lực mà dây lò xo kéo lại tay người.

D) Lực mà hai em bé đẩy vào hai bên cánh cửa và cánh cửa không quay.

30. Tính trọng lượng riêng của một hộp sữa, biết sữa trong hộp có khối lượng tịnh 397g và có thể tích 314ml. Chọn đáp số đúng.

A) 1,264 N/m3.

B) 0,791 N/m3.

C) 12 650 N/m3.

D) 1265 N/m3.

31. Chọn câu đúng.

A) Treo một vật vào một lực kế. Lực mà lò xo lực kế tác dụng vào vật là trọng lượng của vật.

B) Lực mà vật tác dụng vào lò xo là lực đàn hồi.

C) Lực kế chỉ trọng lượng của vật.

D) Lực mà lò xo tác dụng vào vật và lực mà vật tác dụng vào lò xo là hai lực cân bằng.

32. Để kéo một xô nước có khối lượng 15kg từ dưới giếng lên theo phương thẳng đứng, người ta phải dùng lực nào trong số các lực sau :

A) F < 15N

B) F = 15N.

C) 15N < F < 150N.

D) F = 150N.

33. Hãy cho biết lực kế trong hình 13.3 SGK VL6 đang được dùng để đo lực nào trong số các lực sau:

A) Lực kéo lên vật trực tiếp.

B) Trọng lượng của vật.

C) Lực kéo vật qua ròng rọc.

D) Lực kéo vật qua đòn bẩy.

34. Hãy so sánh xem lực kéo vật lên trực tiếp sẽ như thế nào so với lực kéo vật lên khi dùng mặt phẳng nghiêng.

A) Bằng.

B) Ít nhất bằng.

C) Nhỏ hơn

D) Lớn hơn

35) Có thể làm tăng độ nghiêng của mặt phẳng nghiêng bằng cách nào sau đây ?

A) Giảm chiều cao kê mặt phẳng nghiêng.

B) Tăng chiều cao kê mặt phẳng nghiêng.

C) Tăng chiều dài mặt phẳng nghiêng.

D) Tăng chiều dài mặt phẳng nghiêng và đồng thời giảm chiều cao kê mặt phẳng nghiêng.

36. Một người dùng lực 400N để đưa vật nặng 1200N từ mặt đất lên xe ô tô bằng một mặt phẳng nghiêng. Nếu sử dụng mặt phẳng nghiêng ngắn hơn thì người đó sẽ dùng lực nào trong các lực nào trong các lực sau đây ?

A) F = 1200N.

B) F > 400N.

C) F = 400N.

D) F < 400N.

37. Máy cơ đơn giản nào sau đây không thể làm thay đổi đồng thời cả độ lớn và hướng của lực ?

A) Ròng rọc động.

B) Ròng rọc cố định.

C) Đòn bẩy.

D) Mặt phẳng nghiêng.

38. Trong các câu sau, câu nào đúng nhất ?

A) Ròng rọc động có tác dụng làm thay đổi hướng của lực.

B) Ròng rọc động có tác dụng làm thay đổi cả hướng và độ lớn của lực.

C) Ròng rọc cố định có tác dụng làm thay đổi độ lớn của lực.

D) Ròng rọc cố định có tác dụng làm thay đổi cả hướng và độ lớn của lực.

39. Hãy so sánh xem lực  kéo vật lên trực tiếp sẽ như thế nào so với lực kéo vật lên khi dùng ròng rọc cố  định.

A) Bằng.

B) Ít nhất bằng.

C) Nhỏ hơn

D) Lớn hơn

40. Cầu thang xoắn là một ví dụ về máy cơ đơn giản nào ?

A) Ròng rọc động.

B) Đòn bẩy.

C) Mặt phẳng nghiêng.  
D) Ròng rọc cố định.